

Số: *14* /2023/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *24* tháng *4* năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên năm 2009;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Luật Quản lý Thuế năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1550/TTr-STC ngày 04/4/2022 và Báo cáo thẩm định số 59/BC-STP ngày 22/3/2023 của Sở Tư pháp.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định bổ sung giá tính thuế tài nguyên đối với 05 loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023 theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và thay thế quy định về giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên tương ứng tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Thay thế mã nhóm, loại tài nguyên: II501, Đất đá thải của các mỏ than làm vật liệu san lấp mặt bằng cho các công trình đầu tư công trên địa bàn tỉnh quy định tại Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 (đính chính tại Văn bản số 5547/UBND-TM ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Thay thế mã nhóm, loại tài nguyên: II6 quy định tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thay thế Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh “Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Q. CT và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin (công báo)
- V0, V1-V3, TM4-5, CN;
- Lưu: VT, TM6.  
05 bản, QĐ12-giá

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

  
**Vũ Văn Điện**

**BỔ SUNG BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI CÁC LOẠI TÀI NGUYÊN  
KHAI THÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **14** /2023/QĐ-UBND ngày **24** tháng **4** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Đồng

MÃ NHÓM, LOẠI TÀI NGUYÊN (Theo tên gọi tại Thông tư 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính)		Đơn vị tính	Mức giá
A	B	C	4
I	<b>KHOÁNG SẢN KIM LOẠI</b>		
II	<b>KHOÁNG SẢN KHÔNG KIM LOẠI</b>		
	Đất, đá thải của các mỏ than làm vật liệu san lấp mặt bằng cho các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	m <sup>3</sup>	51.000
II5	Cát		
II501	Cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn)	m <sup>3</sup>	120.145
II502	Cát xây dựng		
II50202	Cát vàng dùng trong xây dựng	m <sup>3</sup>	245.000
II6	Cát làm thủy tinh khai thác dưới mực nước biển do Công ty TNHH Quan Minh và Công ty TNHH TM Tân Lập khai thác	m <sup>3</sup>	350.047
V3	Nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác	m <sup>3</sup>	
V301	Nước thiên nhiên dùng trong sản xuất bia, rượu, nước giải khát, nước đá	m <sup>3</sup>	83.300